

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114 /2022/DS-ST
Ngày: 23/9/2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
Và tranh chấp hui ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm
2. Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Ấp 2B, xã T, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Ấp 2B, xã T, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 05/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày:

Trong năm 2017, bà có tham gia chơi hui với bà T, do bà T làm chủ hui, bà là hui viên. Bà tham gia phần hui cụ thể như sau:

Dây hui tháng: 500.000 đồng, hui mở ngày 10/4/2017 (âm lịch), dây hui có 28 phần, bà tham gia 01 phần. Đến ngày hui mãn, số tiền hốt hui là 12.500.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền hui chết, số tiền còn lại bà T phải giao cho bà là 11.500.000 đồng nhưng bà T không giao.

Khi tham gia chơi hui không có giấy tờ. Tuy nhiên, đến khi hui mãn, bà T có tính số tiền phải giao cho bà bằng giấy tay bà T tự viết nhưng không có giao tiền.

ả goài ra, trong thời gian tháng 4/2017, bà T có vay của bà số tiền là 20.000.000 đồng, bà T chỉ hỏi mượn tạm, không có làm giấy tờ, hai bên không có thỏa thuận lãi nhưng đến ngày bà T tính tiền nợ hui thì bà T có tính chung số tiền

nợ vay của bà vào giấy tính tiền nợ của bà T, bà có đòi rất nhiều lần nhưng bà T vẫn chưa trả. Vì vậy, bà có yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền 11.500.000 đồng tiền hui và 20.000.000 đồng tiền vay không có lãi. Tổng cộng là 31.500.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã thông báo và tổ chức công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 05 tháng 9 năm 2022, bà T vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay nhưng bà T vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng... Thẩm phán đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền hui là 11.500.000 đồng và số tiền vay là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy lời trình bày của bà H căn cứ vào giấy tay mà bà H cung cấp mặc dù không có nội dung rõ ràng, không thể hiện cụ thể họ, tên người ghi nợ, tuy nhiên, qua xác minh, bà T có làm chủ hui, bà H tham gia chơi hui như lời trình bày của bà H và việc bà T có mượn tiền của bà H được ghi vào giấy tính tiền nợ vào giấy nợ của bà H. Do đó, bà H khởi kiện đòi nợ bà T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H. Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hui là 11.500.000 đồng và số tiền vay là 20.000.000 đồng. Việc bà H không yêu cầu tính lãi là do sự tự nguyện của bà H, đề nghị ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị H khởi kiện bà Trần Thị T yêu cầu có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ hui là 11.500.000 đồng và số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng và bà T có viết giấy tính tiền nợ hui cho bà H.

Xét giấy tay của bà H cung cấp và bà H cho rằng giấy tay chính do bà T viết và tính toán tiền nợ hui và số tiền nợ vay. Giấy tay phát sinh từ quan hệ chơi hui giữa bà H với bà T đây là quan hệ về hui; việc bà H cho rằng bà T còn vay của bà nhưng không trả thì đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn và không có lãi; khi xảy ra tranh chấp được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật dân sự.

Đối với hợp đồng vay: Vào tháng 4/2017, bà H có cho bà T vay số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Bà T thỏa thuận với bà H là chỉ mượn tạm nên hai bên không có làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi và cũng không có cụ thể thời gian trả lại cho bà H.

Đối với việc tham gia chơi hụi: Bà H tham gia chơi hụi với bà T do bà T làm chủ, bà H tham gia chơi dây hụi tháng: 500.000 đồng, hụi mở ngày 10/4/2017 (âm lịch), dây hụi có 28 phần, bà tham gia 01 phần. Đến ngày hụi mãn, số tiền hốt hụi là 12.500.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền hụi chết, số tiền còn lại bà T phải giao cho bà là 11.500.000 đồng nhưng bà T không giao.

Hội đồng xét xử xét thấy việc tham gia chơi hụi giữa bà H và bà T không thể hiện giấy tờ chứng minh. Qua xác minh một số hụi viên tham gia chơi hụi khác thì xác định bà H có tham gia chơi hụi như bà H trình bày.

Sau khi kết thúc mãn dây hụi, bà T tính ra số tiền hụi phải giao cho bà H và cộng với số tiền nợ vay của bà H, bà T ghi giấy tay.

Xét giấy tay mà bà H cung cấp mặc dù không ghi rõ họ tên hai bên, không thể hiện rõ nội dung của giấy nợ. Tuy nhiên, trên giấy ghi nợ có thể hiện tiền mượn của chị Hiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng và tiền hụi là 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ả hư vậy, giấy nợ đã thể hiện bà T còn nợ của bà H số tiền mượn là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng và tiền hụi là 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đối với bà T: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, bà T đương nhiên đã từ bỏ quyền lợi trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa, Hội đồng xét xử không thể xem xét được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Về lãi suất: Bà H không yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu buộc bà Trần Thị T phải trả số tiền nợ vay là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng và tiền nợ hụi là 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng. Tổng số tiền buộc bà T phải trả cho bà H là 31.500.000 (Ba mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 31.500.000 đồng x 5% = 1.575.000 đồng.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 787.000 (Bảy trăm tám mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007180 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 469, 471 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; ă ghi quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị H về việc yêu cầu bà Trần Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 31.500.000 (*Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn*) đồng.

2. Buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị H tổng số tiền là 31.500.000 (*Ba mươi mốt triệu năm trăm nghìn*) đồng, gồm số tiền nợ vay là 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng và tiền nợ hụi là 11.500.000 (*Mười một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị T chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà T còn phải trả cho bà H số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 1.575.000 (*Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 787.000 (*Bảy trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0007180 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSă D huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAA D tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền